LIÊN KẾT CHĂN NUÔI LỢN THEO HÌNH THỨC TỔ HỢP TÁC TẠI HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Lê Thị Minh Châu[1*], Trần Minh Huệ, Trần Thị Hải Phương

Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Email[*]: ltmchau@vnua.edu.vn

Ngày gửi bài: 10.03.2016 Ngày chấp nhận: 09.07.2016

TÓM TẮT

Kết quả phân tích liên kết chăn nuôi lợn theo hình thức tổ hợp tác (THT) tại huyện Tân Yên đã chỉ ra các đặc trưng cơ bản của THT là (i) Hộ chăn nuôi tự nguyện tham gia THT; (ii) Các hoạt động liên kết gồm mua chung thức ăn, mua bán con giống, phòng trừ dịch bệnh, vay vốn và tiêu thụ sản phẩm. Hộ tham gia THT đã đạt mức thu nhập và hiệu quả kinh tế cao hơn so với hộ không tham gia. Ngoài ra, tiếp nhận, chia sẽ thông tin kỹ thuật và thị trường của hộ tham gia THT tốt hơn so với hộ không tham gia. Tuy nhiên, các hoạt động liên kết còn lỏng lẻo, các hộ chưa tham gia đồng bộ các khâu liên kết, nhãn hiệu lợn sạch của THT chưa có tiêu chuẩn cụ thể đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm và năng lực quản lý của những người đứng đầu THT còn hạn chế. Quy mô chăn nuôi, trình độ và giới tính chủ hộ có ảnh hưởng đến quyết định của hộ đối với tham gia liên kết. Để thúc đẩy liên kết và tăng thu nhập, hộ chăn nuôi cần liên kết đồng bộ các hoạt động, bố trí quy mô đàn lợn theo lứa hợp lý giữa các hộ để đáp ứng yêu cầu về số lượng của người mua, áp dụng quy trình VietGAP trong chăn nuôi và liên kết phối trộn thức ăn. Chính quyền địa phương cần hỗ trợ thúc đẩy các hoạt động của THT, tuyên truyền thực hiện tốt quy hoạch để giảm manh mún trong chăn nuôi.

Từ khóa: Liên kết, tổ hợp tác, chăn nuôi lợn.

Collective action in pig production in Tan Yen District, Bac Giang Province

ABSTRACT

Analysing collective action in pig production of Tan Yen collective group shows that the collective action is characterized by the following: (i) Farmers are volunteer to participate in the collective group and (ii) Activities of the collective group include coordination in feed purchasing, breed purchasing, veterinary services, access to credit and selling of product. The members of the collective group obtain higher economic return from pig production than non - members. Furthermore, members of the collective group have a better access to market information and technical knowledge than non - members. However, collective action is still weak. Members of the collective group do not participate in all collective activities. In addition, the pork label of the collective group lacks standards for traceability. The group leaders are limited in management capacity. The production scale, education level and gender of household head are factors affecting the participation of farmers in the collective group. To promote collective action and to increase farmer's income, members of the collective group should participate in all collective activities, make plans for pig production scale among members, apply VietGap standards in production, and properly utilize both local crops as feed and industrial feed. The local authority should support to strengthen the collective action in order to reduce small scale pig production.

Keywords: Collective action, collective group, pig production.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xu hướng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thông qua các tổ chức của nông dân ngày càng phổ biến ở trong và ngoài nước. Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng các hộ nông dân tham gia liên kết trong sản xuất nông nghiệp đã đạt được nhiều lợi ích hơn các hộ không tham

gia (Nguyễn Thị Dương Nga và cs., 2011; Trần Quốc Nhân và cs., 2012; Đỗ Quang Giám và Trần Quang Trung, 2013).

Tân Yên là huyện dẫn đầu về chăn nuôi lợn của tỉnh Bắc Giang. Hiện nay, số lượng lợn của huyện khoảng 215 nghìn con. Chăn nuôi lợn đã đóng góp 80% tổng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi của huyện (Phòng thống kê Tân Yên, 2016). Tuy nhiên, hộ chăn nuôi lợn hiện nay còn phải đối mặt với nhiều rào cản (như dịch bệnh, giá đầu vào cao, giá bán sản phẩm bấp bênh…). Thời gian gần đây, THT huyện Tân Yên là mô hình liên kết tiêu biểu trong chăn nuôi lợn theo hình thức THT. THT được thành lập từ tháng 01/2014 và hiện nay chưa có đánh giá cụ thể, cũng như chưa có các nghiên cứu về THT huyện Tân Yên. Theo báo cáo sơ bộ của Phòng Nông nghiệp huyện, sau một thời gian THT chính thức hoạt động, các hộ chăn nuôi đã thu được một số lợi ích thông qua liên kết (như dịch bệnh có xu hướng giảm, thu nhập từ chăn nuôi lợn đã từng bước được cải thiện). Tuy nhiên các hoạt động của THT còn lỏng lẻo và chưa đồng bộ. Mục tiêu của nghiên cứu này là phân tích thực trạng liên kết chăn nuôi lợn của THT huyện Tân Yên và đề xuất các giải pháp thúc đẩy liên kết nhằm nâng cao thu nhập cho hộ.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập số liệu

Thông tin chăn nuôi của huyện được thu thập ở phòng thống kê và đặc điểm hoạt động của THT được thu thập qua tổ trưởng THT. Số liệu phản ánh thực trạngliên kết của hộ chăn nuôi được thu thập thông qua điều tra hộ. Để chọn hộ điều tra, phương pháp chọn mẫu có mục đích và chọn mẫu ngẫu nhiên đã được áp dụng kết hợp. Huyện Tân Yên có 22 xã và 2 thị trấn. Xã Ngọc Vân, Ngọc Châu và Ngọc Thiện là các xã có vị trí địa lý gần nhau và đây là các xã có quy mô đàn lợn lớn. THT huyện Tân Yên có 54 hộ tham gia, các hộ này đều thuộc 3 xã nói trên. Trong nghiên cứu này, 40 hộ tham gia THT được lựa chọn ngẫu nhiên. Đồng thời, 80 hộ chăn nuôi lợn theo hướng sản xuất hàng hóa thuộc 3 xã nói trên được lựa chọn ngẫu nhiên để so sánh các chỉ tiêu phân tích giữa hai nhóm hộ. Hiện tại, toàn huyện có khoảng 800 hộ chăn nuôi lợn theo hướng sản xuất hàng hóa, tuy nhiên số hộ tham gia THT chiếm tỷ lệ nhỏ (Phòng Nông nghiệp chưa có số liệu thống kê cụ thể). Vì vậy, để phản ánh được tình hình thực tiễn và đảm bảo cho việc áp dụng mô hình kinh tế lượng, trong mẫu điều tra số lượng hộ không thuộc THT huyện Tân Yên được chọn lớn hơn số lượng hộ tham gia THT.

2.2. Phân tích số liệu

- Phương pháp thống kê mô tả được dùng mô tả đặc điểm các hộ điều tra và các hoạt động liên kết.

- Phương pháp thống kê so sánh được dùng so sánh các chỉ tiêu phản ánh đặc điểm của hộ, thực trạng và lợi ích liên kết. Kiểm định T test sử dụng để so sánh giá trị trung bình của một số chỉ tiêu phân tích.

- Mô hình Probit áp dụng để xác định yếu tố ảnh hưởng đến khả năng hộ tham gia THT. Dạng hồi quy tuyến tính được trình bày như sau:

$Y^*i = \beta_i^{'} X_i + u_i$

Trong đó:

Y^*i là biến ẩn không quan sát được;

Yi = 1 nếu $Y^*i > 0$ nếu hộ tham gia THT

Yi = 0 nếu $Y^*i < 0$ nếu hộ không tham gia THT;

Xi là biến độc lập và u_i là sai số.

Mô hình Probit có dạng sau:

$Pi = E(Y_i | X_i) = F(\beta_i^{'} X_i) = \beta_i^{'} X_i + u_i$,

Trong đó:

Pi là xác suất xẩy ra khi Yi = 1

E là kỳ vọng có điều kiện

F là hàm phân bố xác suất (CDF - Cumulative Distribution Function)

$$F\left(x_i^{'}\beta\right) = \int_{-\infty}^{x_i^{'}\beta} \frac{1}{\sqrt{2\pi}} e^{-x_i^{'}\beta/2}$$

Các biến Xi bao gồm:

X_1: Tuổi chủ hộ (năm)

X_2: Trình độ học vấn chủ hộ (năm)

X_3: Giới tính chủ hộ, = 1 nếu là nam và = 0 nếu là nữ

X_4: Chức vụ xã hội của chủ hộ, = 1 nếu là có chức vụ và = 0 nếu ngược lại

X_5: Số lao động (người)

X_6: Quy mô lợn thịt (con)

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát về liên kết trong chăn nuôi lợn ở huyện Tân Yên

Những năm gần đây, quy mô đàn, sản lượng thịt và giá trị sản xuất của ngành chăn nuôi lợn ở huyện Tân Yên đã tăng lên đáng kể.Giai đoạn 2011 - 2015, tốc độ tăng trưởng bình quân của số lượng lợn là 10%, sản lượng lợn là 11% và giá trị sản xuất là 26%. Năm 2015, số lượng lợn là 215.427 con, sản lượng lợn đạt 28.948 tấn và giá trị sản xuất đạt 1.417.369 triệu đồng. Chăn nuôi lợn đã đóng góp khoảng 80% trong giá trị sản xuất ngành chăn nuôi.

Chăn nuôi lợn đóng vai trò quan trọng trong ngành nông nghiệp của huyện Tân Yên nhưng các hộ thường đối mặt với nhiều rào cản trong chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm. Để giảm thiểu các khó khăn đó, các hình thức liên kết trong chăn nuôi lợn ở huyện Tân Yên đã được hình thành. Theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp, hiện nay trên địa bàn huyện có ba hình thức liên kết tiêu biểu là liên kết giữa hộ chăn nuôi với các công ty (CP group, Japfa, Dabaco…) theo hình thức hợp đồng nuôi gia công, liên kết giữa các hộ chăn nuôi theo THT và liên kết phi chính thức giữa hộ chăn nuôi với người cung cấp đầu vào hoặc người mua sản phẩm. Đối với hình thức hợp đồng nuôi gia công, các hoạt động liên kết khép kín từ đầu vào đến đầu ra. Các công ty cung cấp con giống, thức ăn, thuốc thú y và kỹ thuật cho hộ chăn nuôi, đồng thời mua lại sản phẩm từ hộ. Để tham gia hình thức này, hộ chăn nuôi phải có diện tích khu vực chăn nuôi rộng và đầu tư vốn lớn để kiến thiết chuồng trại. Vì vậy, hiện nay toàn huyện chỉ có 15 hộ chăn nuôi quy mô trang trại lớn đang tham gia hình thức này. Đối với hình thức liên kết theo THT, THT Tân Yên là mô hình tiêu biểu về số thành viên và phương thức hoạt động. Ngoài ra, còn có một số THT quy mô nhỏ (gồm 3 - 5 hộ/tổ). Tuy nhiên các THT quy mô nhỏ không đăng ký hoạt động với chính quyền địa phương, vì vậy không có số liệu thống kê về số lượng THT. Đối với hình thức liên kết phi chính thức, từng hộ chăn nuôi tự liên kết với người cung cấp đầu vào hoặc người mua sản phẩm. Hình thức liên kết này chủ yếu là liên kết miệng, vì vậy không đảm bảo tính bền vững trong liên kết. Thực tế cho thấy, hình thức liên kết theo THT tạo cơ hội cho nhiều hộ chăn nuôi tham gia nên đây là xu hướng đang phát triển ở huyện Tân Yên.

3.2. Thông tin chung về tổ hợp tác huyện Tân Yên

THT huyện Tân Yên tuy mới thành lập nhưng trong những năm qua các thành viên đã có những hoạt động liên kết theo các nhóm nhỏ. Hiện nay, tổ trưởng là cán bộ thú y của xã Ngọc Châu và cũng là chủ hộ chăn nuôi lợn. Số thành viên tham gia là 54 hộ. Về cơ chế hợp tác, các hộ chăn nuôi tham gia THT trên cơ sở tự nguyện

Bảng 1. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi của huyện Tân Yên

Loại vật nuôi	2011		2013		2015	
	Giá trị (triệu đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (triệu đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (triệu đồng)	Cơ cấu (%)
Lợn	884.954	76,8	1.133.895	80	1.417.369	80,3
Gia cầm	236.449	20	277.593	20,5	335.335	19
Trâu, bò	29.704	2,5	- 7.274	- 0,5	12.353	0,7
Tổng	*1.151.107*	*100*	*1.404.214*	*100*	*1.765.057*	*100*

Nguồn: Phòng thống kê, huyện Tân Yên (2016).

và giúp đỡ lẫn nhau nhằm nâng cao thu nhập. Để trở thành viên, các hộ phải là những hộ chăn nuôi lợn theo hướng sản xuất hàng hóa. Khi thành lập, mỗi hộ góp 2 triệu đồng để hình thành tài sản chung và duy trì các hoạt động quản lý của THT, phải cam kết không sử dụng các chất cấm trong chăn nuôi và hệ thống chuồng trại đảm bảo vệ sinh. Các hoạt động liên kết được phân tích chi tiết ở phần sau.

Đề cập đến hộ chăn nuôi, những đặc điểm cơ bản của hộ tham gia THT và hộ không tham gia được thể hiện ở bảng 2. Kết quả so sánh cho thấy, trình độ học vấn của chủ hộ, số năm kinh nghiệm nuôi lợn theo hướng sản xuất hàng hóa, tỷ lệ chủ hộ có chức vụ xã hội, tỷ lệ chủ hộ là nam và số lợn thịt của hộ tham gia THT cao hơn hộ không tham gia. Tỷ lệ thu nhập từ chăn nuôi lợn trong tổng số thu nhập của hộ tham gia THT chiếm khoảng 76,7% và hộ không tham gia là 38,4%. Như vậy, chăn nuôi lợn đã đóng góp tỷ lệ quan trọng trong thu nhập của 2 nhóm hộ.

3.3. Tình hình liên kết của các hộ tại THT huyện Tân Yên

3.3.1. Liên kết mua, bán con giống

Giống lợn là yếu tố quan trọng liên quan đến năng suất và chất lượng sản phẩm. 43% số hộ điều tra có nuôi lợn nái. Lợn nái chủ yếu được mua của các công ty (CP group, Japfa và Dabaco). Mặc dù giá mua còn cao (khoảng 6 - 7 triệu đồng/con) nhưng chất lượng con giống nhập khẩu tốt hơn giống trong nước. Do lợn nái đắt và thêm công nuôi dưỡng, 57% số hộ điều

Bảng 2. Đặc điểm của các hộ điều tra

Chỉ tiêu	Hộ tham gia THT	Hộ không tham gia HT	Chênh lệch
Tuổi chủ hộ (tuổi)	42	43	- 1^{NS}
Trình độ chủ hộ (số năm học)	9,5	7,8	1,7***
Giới tính chủ hộ (1 = nam; 0 = nữ)	0,70	0,40	0,3**
Chức vụ xã hội (1 = có; 0 = không)	0,35	0,15	0,2***
Số năm kinh nghiệm nuôi lợnhàng hóa (năm)	8,3	7,0	1,3***
Số lao động (người)	2,7	2,5	0,2^{NS}
Quy mô lợn thịt (con)	128	48	80***
Thu nhậptừ chăn nuôi lợn so với tổng thu nhập (%)	76,7	38,4	38,3***

Nguồn: Điều tra, 2016.
*Ghi chú: ***, **, và * có ý nghĩa thống kê ở các mức α = 1%, 5% và 10%.*

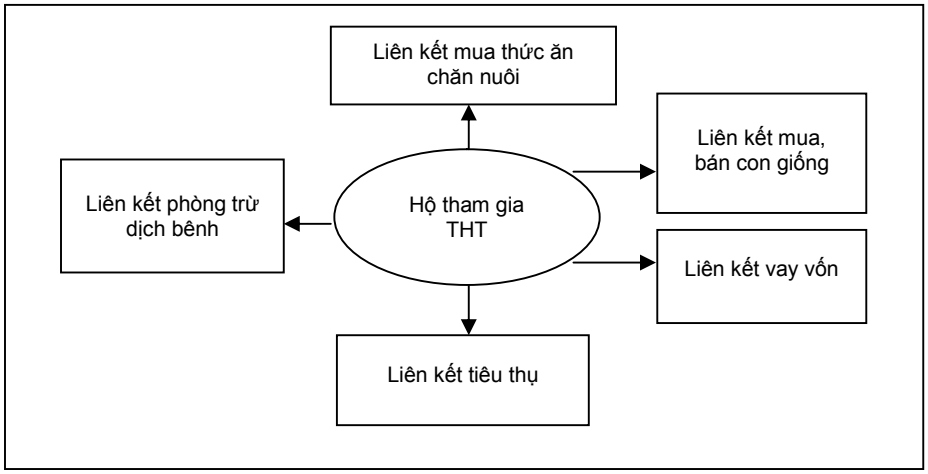

Sơ đồ 1. Liên kết trong chăn nuôi lợn của THT huyện Tân Yên

tra không nuôi lợn nái và lựa chọn mua lợn con giống từ hàng xóm, ở chợ, người thu gom..., 22,5% số hộ tham gia THT mua lợn con giống của nhau và chỉ 13% số hộ không tham gia có liên kết với hàng xóm để mua lợn giống. Như vậy, trong THT chỉ có một số hộ mua bán, trao đổi lợn con giống của nhau. Nhìn chung, các hộ chủ yếu độc lập trong mua, bán con giống, chưa hình thành liên kết. Do chất lượng lợn giống không đồng đều nên chất lượng sản phẩm chưa đồng bộ giữa các hộ tham gia THT.

3.3.2. Liên kết mua thức ăn

Chi phí thức ăn chiếm trên 70% tổng chi phí. Để giảm giá thức ăn các hộ cần phải mua số lượng lớn trong mỗi lần mua. Vì vậy, THT đã cử vài người đại diện liên hệ và lập kế hoạch mua với công ty sản xuất thức ăn. Theo đó, công ty đã vận chuyển thức ăn trực tiếp đến hộ. Kết quả điều tra cho thấy, các hộ tham gia THT thường xuyên mua số lượng lớn nên 71% hộ tham gia THT đã mua chung thức ăn, trong khi chỉ có 31% hộ không tham gia liên kết khâu này. Hộ chăn nuôi mua chung thức ăn thì giá mua giảm khoảng 6% so với giá mua lẻ. Hộ không tham gia thường mua thức ăn ở các đại lý nhỏ. Vì vậy, 67% hộ tham gia THT đã giảm được giá thức ăn và chỉ có 25% hộ không tham gia thu được kết quả này. Mua chung thức ăn còn đảm bảo thức ăn có nguồn gốc rõ ràng và chất lượng tốt hơn. THT còn tổ chức mời chuyên gia của các công ty sản xuất thức ăn tập huấn kỹ thuật và cung cấp thông tin thị trường cho các thành viên. Nhìn chung, liên kết mua thức ăn đã mang lại một số lợi ích cho các hộ. Tuy nhiên, mua chung thức ăn còn thực hiện liên kết theo nhóm nhỏ, một số hộ còn muốn tự do lựa chọn người bán vì chưa thực sự tin tưởng nhau.

3.3.3. Liên kết phòng trừ dịch bệnh

Tổ trưởng và các tổ phó của THT là những nhân viên thú y nên đã ý thức được hậu quả của lây lan dịch bệnh. Vì vậy, những nhân viên thú y này đã vận động các hộ trong xã và các hộ tham gia THT cùng tiêm phòng cho lợn ở một số thời điểm nhất định. Họ là những thành viên của THT nên được phân công mua vacxin cho các hộ có nhu cầu liên kết. Kết quả điều tra cho thấy, 45% hộ tham gia THT đã mua chung vacxin. Vacxin được bảo quản tốt hơn và hộ chăn nuôi giảm chi phí mua vacxin, giảm lây lan dịch bệnh. Ngoài ra, tổ trưởng và các tổ phó thường xuyên theo dõi dịch bệnh để khuyến cáo các hộ có biện pháp phòng bệnh phù hợp. Khi lợn bị mắc các bệnh thông thường thì các hộ tham gia THT chủ động thông báo để nhận được tư vấn của các nhân viên thú y. Trong thời gian qua, nhờ thực hiện tốt phòng trừ dịch bệnh nên đàn lợn của các hộ gia tham gia THT không bị dịch bệnh và giảm được các bệnh thông thường. Kết quả điều tra cũng chỉ ra, 90% hộ không tham gia độc lập mua vacxin tiêm phòng cho lợn. Các trường hợp lợn bị mắc bệnh thì họ tự mua thuốc để chữa. Các hộ cho biết họ không muốn sử dụng dịch vụ tư vấn hoặc chăm sóc của cán bộ thú y để giảm chi phí. Có thể nói, đa số các hộ tham gia THT đã nhận thức tốt trong phòng trừ bệnh cho lợn.

3.3.4. Liên kết vay vốn

Nhìn chung, các hộ đều có nhu cầu vay vốn để mua thức ăn. Các hộ độc lập vay vốn từ ngân hàng thương mại vì các tổ chức này yêu cầu thế chấp tài sản. Đáng chú ý, số vốn góp của các hộ tham gia THT được cho các thành viên luân phiên vay, lãi suất tương đương với ngân hàng thương mại (8%/năm). Tiền lãi được dùng cho các hoạt động chung của THT. Năm 2015, 20% hộ tham gia THT được vay vốn từ THT để đầu tư cho chăn nuôi (20 triệu đồng/hộ, thời gian vay là 6 tháng). Chỉ có 6,2% hộ không tham gia vay được khoản vay nhỏ (3 triệu đồng; vay 1 - 2 tuần) từ các hộ khác để sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

3.3.5. Liên kết tiêu thụ sản phẩm

Tiêu thụ là một trong những khâu quan trọng quyết định đến phát triển chăn nuôi của các hộ. Các hộ tham gia THT đã liên kết với nhau trong tiêu thụ sản phẩm. Sản phẩm của các hộ được tiêu thụ thông qua ba hình thức, bao gồm tiêu thụ qua thương lái, lò mổ và người thu gom. Đối với hình thức tiêu thụ qua người thu gom và qua thương lái, các hộ trong THT đã

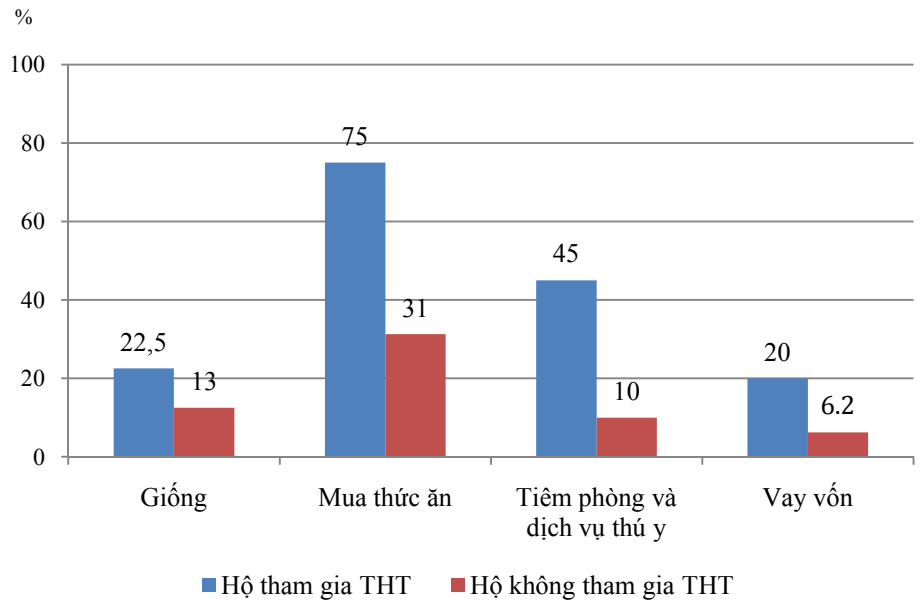

Sơ đồ 2. So sánh tỷ lệ hộ liên kết mua đầu vào và tiếp cận tín dụng

Nguồn: Điều tra, 2016.

cử người để liên lạc với người mua, sắp xếp lịch thu mua từ các hộ. Theo cách này, giá bán của các hộ được thống nhất và hộ chăn nuôi đã phần nào giảm được sự ép giá từ người mua. Đồng thời, người mua thu mua được số lượng theo mong muốn và giảm chi phí vận chuyển. Phần lớn các hộ tham gia THT (71%) đã tiêu thụ sản phẩm qua thương lái. Đối với hình thức tiêu thụ qua lò mổ, nhờ đăng ký thành công nhãn hiệu sản phẩm "lợn sạch" nên sản phẩm của hộ tham gia THT đã được tiêu thụ ở một số lò mổ trong tỉnh và Hà Nội. Tuy nhiên, chủ yếu các hộ quy mô lớn tiêu thụ qua hình thức này vì họ đảm bảo cung cấp số lượng lớn và thường xuyên. So sánh với hộ không tham gia, tỷ lệ hộ tham gia THT tiêu thụ qua các lò mổ cao hơn đáng kể (Sơ đồ 3) do chất lượng sản phẩm được đảm bảo hơn. Giá bán cho lò mổ cao hơn khoảng 1,3 nghìn đồng/kg lợn hơi so với giá bán cho các đối tượng khác. Chứng tỏ một số hộ tham gia THT đã giảm được khâu trung gian là người thu gom và thương lái để tăng giá bán sản phẩm. Tuy nhiên, liên kết tiêu thụ của THT thỏa thuận bằng miệng với các đối tượng thu mua nên còn chịu tình trạng ép giá bán. Sản phẩm của THT chưa tiếp cận được với hệ thống siêu thị do nhãn hiệu sản phẩm còn mới, chất lượng sản phẩm chưa đồng đều, việc truy xuất nguồn gốc đầu vào chưa được thực hiện và vệ sinh an toàn thực phẩm mới thực hiện theo hình thức hộ ký cam kết với THT.

3.3. Lợi ích liên kết

Phân tích trên cho thấy, tham gia THT các hộ đã thu được một số lợi ích như chi phí mua thức ăn giảm, nguồn gốc xuất xứ thức ăn rõ ràng, chất lượng vacxin đảm bảo và giảm chi phí vacxin, được vay vốn của THT. Một số lợi ích khác được phân tích tiếp theo sau.

Kết quả bảng 3 cho thấy hộ tham gia THT đạt được giá bán cao hơn so với của hộ không tham gia là do nhóm hộ tham gia THT đã thỏa thuận thống nhất về giá bán để giảm bị ép giá, hơn nữa 35% hộ tham gia THT đã tiêu thụ sản phẩm qua các lò mổ và giảm được khâu trung gian qua thương lái hoặc người thu gom. Chi phí sản xuất của hộ tham gia THT thấp hơn hộ không tham gia chủ yếu do giảm được chi phí thức ăn và chi phí tiêm phòng. Vì vậy, thu nhập hỗn hợp và tỷ lệ thu nhập hỗn hợp so với chi phí

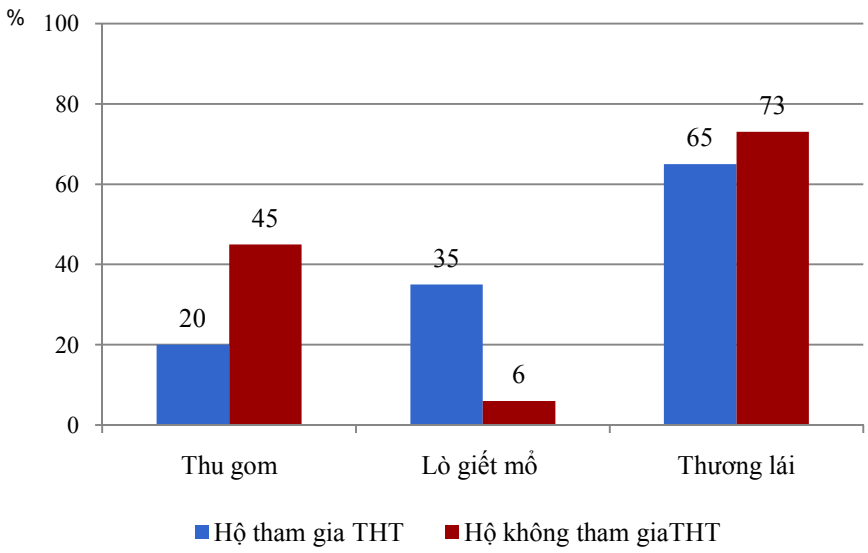

Sơ đồ 3. So sánh tỷ lệ hộ tiêu thụ sản phẩm phân theo người mua

Nguồn: Điều tra, 2016.

Bảng 3. So sánh hiệu quả kinh tế chăn nuôi lợn của hộ tham gia THT và không tham gia THT

Chỉ tiêu	Đơn vị	Hộ tham gia THT	Hộ không tham gia THT	Chênh lệch
Giá bán	1.000 đồng/kg	51,6	50,1	1,5**
Chi phí sản xuất (a)	1.000 đồng/kg	40,1	41,0	0,9*
Thu nhập hỗn hợp (b)	1.000 đồng/kg	11,4	0,9	10,5***
Thu nhập hỗn hợp/Chi phí sản xuất	%	28,7	22,6	6,1***
Tổng thu nhập của hộ từ chăn nuôi lợn (năm 2015)	1.000 đồng	14.7809,8	4.4177,4	10.3632***

Nguồn: Điều tra, 2016.
*Ghi chú: ***, **, và * có ý nghĩa thống kê tương ứng ở các mức α =1%, 5% và 10%*

sản xuất của hộ tham gia THT cao hơn so với hộ không tham gia.Hộ tham gia THT đã đạt được mức thu nhập và hiệu quả kinh tế cao hơn so với hộ không tham gia.

Ngoài ra, 90% hộ tham gia THT được tiếp nhận thông tin kỹ thuật và thị trường từ người bán thức ăn và chỉ có 25% hộ không tham gia có được lợi ích này. 85% hộ tham gia THT cho biết họ thường xuyên chia sẽ thông tin về kỹ thuật và thị trường với các thành viên, chỉ có 43% hộ không tham gia chia sẽ thông tin với hàng xóm. 58% hộ tham gia THT cho rằng khả năng mặc cả giá bán được cải thiện, ngược lại hộ không tham gia chưa cải thiện được khả năng này. 100% hộ tham gia THT được sử dụng nhãn hiệu "lợn sạch". Như vậy, hộ tham gia THT thu được lợi ích kinh tế và chia sẽ thông tin tốt hơn so với hộ không tham gia.

3.4. Yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia liên kết

Kết quả phân tích ở trên phần nào cho thấy vai trò của tham gia liên kết trong chăn nuôi, tiêu thụ sản phẩm và tăng thu nhập cho các hộ. Do vậy, phân tích các yếu tố ảnh hưởng là cơ sở quan trọng để cải thiện các yếu tố nội sinh từ hộ nhằm thúc đẩy liên kết. Quy mô chăn nuôi, trình độ học vấn và giới tính của chủ hộ là các

Bảng 4. Kết quả ước lượng yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia liên kết

Biến số	Hệ số	Tác động biên (dy/dx)
Hệ số tự do	- 12,8828***	-
Tuổi chủ hộ	0,0022NS	0,0004
Trình độ chủ hộ	0,3829**	0,0725**
Giới tính	0,9117**	-
Chức vụ xã hội	0,8098NS	-
Lao động	- 0,3423NS	- 0,0648 NS
Quy mô lợn thịt	0,1466***	0,0277***
Số quan sát	120	
Kiểm định χ^2 (6)	113,7***	
Pseudo R2	0.64	

*Ghi chú: ***, **, và * có ý nghĩa thống kê tương ứng ở các mức α = 1%, 5% và 10%; NS không có ý nghĩa thống kê)*

biến có ý nghĩa thống kê, vì vậy đây là những yếu tố có ảnh hưởng đến quyết định hộ chăn nuôi tham gia liên kết. Quy mô chăn nuôi có ý nghĩa thống kê ở mức 1% được coi là nhân tố có ảnh hưởng nhất đến quyết định của hộ đối với tham gia liên kết. Nếu quy mô chăn nuôi của hộ tăng lên 100 con thì khả năng hộ tham gia liên kết là 2,77%. Các hộ có quy mô lớn có khả năng tham gia liên kết cao hơn các hộ có quy mô nhỏ do sản xuất quy mô nhỏ là rào cản để sản xuất sản phẩm đồng đều chất lượng và khó đảm bảo đủ số lượng lớn tại một thời điểm để thuận tiện cho người mua. Các hộ có trình độ cao có khả năngtham gia liên kết cao hơn so với các hộ có trình độ thấp vì họ đã thay đổi tính tự phát, tuân thủ các quy định khi tham gia liên kết để phát triển chăn nuôi, nâng cao chất lượng sản phẩm và tìm kiếm thị trường tiêu thụ ổn định. Biến giới tính có quan hệ cùng chiều với biến độc lập, chứng tỏ các chủ hộ là nam có khả năng tham gia liên kết nhiều hơn. Nam giới tiếp nhận thông tin tốt hơn phụ nữ, vì vậy họ mạnh dạn tham gia. Biến chức vụ xã hội mặc dù không có ý nghĩa thống kê trong mô hình nhưng thực tế cho thấy những người có chức vụ trong các tổ chức xã hội là những hạt nhân trong liên kết để hình thành THT. Biến lao động và biến tuổi có dấu ngoài mong đợi nhưng các biến này không có ý nghĩa thống kê.

3.5. Giải pháp thúc đẩy liên kết chăn nuôi lợntheo hình thức THT ở huyện Tân Yên

Liên kết theo hình thức THT đã mang lại một số lợi ích cho các hộ. Tuy nhiên, hoạt động của THT vẫn còn một số tồn tại như sau:

Liên kết còn lỏng lẻo. Hoạt động liên kết giữa các hộ trong THT với nhau, liên kết giữa hộ tham gia THT với người cung cấp đầu vào, với người mua sản phẩm chỉ thỏa thuận bằng miệng.

Các hộ tham gia THT chưa thực hiện đồng bộ các hoạt động liên kết. Các hộ còn tự do lựa chọn từng khâu liên kết theo nhu cầu của từng hộ. Vì vậy chất lượng sản phẩm không đồng đều.

THT chưa lập kế hoạch để bố trí quy mô đàn theo lứa giữa các thành viên nên chưa cân đối giữa số lượng cung cấp của hộ chăn nuôi và nhu cầu của người mua ở các thời điểm.

Nhãn hiệu "lợn sạch" chưa có tiêu chuẩn cụ thể. Thành viên THT mới chỉ cam kết là không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi.

Chi phí thức ăn còn chiếm tỷ lệ lớn trong tổng chi phí. Đây là một trong những yếu tố dẫn đến hiệu quả kinh tế của hộ tham gia THT chưa cao hơn nhiều so với nhóm hộ không tham gia.

Năng lực quản lý của những người đứng đầu THT còn hạn chế. Vì vậy, THT còn lúng túng trong xây dựng quy chế xử phạt vi phạm liên kết.

Một số giải pháp đề xuất như sau:

Hộ chăn nuôi cần nâng cao nhận thức về liên kết và tư duy thị trường. Hộ tham gia THT cần liên kết đồng bộ, chặt chẽ hơn trong các hoạt động để chất lượng sản phẩm sản xuất ra được đồng bộ.

Hộ tham gia THT cần bố trí quy mô đàn theo lứa giữa các thành viên để đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng của người mua

Hộ tham gia THT cần áp dụng quy trình VietGap trong sản xuất để đảm bảo chất lượng sản phẩm, thực hiện được truy xuất nguồn gốc sản phẩm và từng bước nâng cao uy tín nhãn hiệu "lợn sạch".

Hộ tham gia THT cần liên kết phối trộn thức ăn công nghiệp và sản phẩm trồng trọt địa phương để giảm chi phí thức ăn. Kinh nghiệm từ một số địa phương cho thấy sử dụng các máy chế biến nhỏ để phối trộn thức ăn đã giúp người chăn nuôi giảm được chi phí.

Chính quyền địa phương cần hỗ trợ THT triển khai quy trình VietGap, hỗ trợ THT kết nối với các siêu thị, doanh nghiệp chế biến… Công tác khuyến nông cần tăng cường kiến thức về thị trường và ký kết hợp đồng kinh tế cho người chăn nuôi, đặc biệt là phụ nữ. Đồng thời, nâng cao kiến thức quản lý cho những người đứng đầu THT.

Chính quyền địa phương cần tiếp tục tuyên truyền thực hiện tốt quy hoạch sản xuất tập trung. Giảm bớt quy mô manh mún trong chăn nuôi hàng hóa.

4. KẾT LUẬN

Liên kết chăn nuôi lợn theo hình thức THT ở huyện Tân Yên hiện nay có xu hướng phát triển. Kết quả nghiên cứu cho thấy, THT hoạt động trên nguyên tắc hộ tự nguyện tham gia. Nhìn chung, các hộ tham gia THT liên kết theo từng hoạt động. Hộ tham gia THT đã đạt mức thu nhập và hiệu quả kinh tế cao hơn so với hộ không tham gia. Thu nhập hỗn hợp của hộ tham gia THT là 11,4 nghìn đồng và hộ không tham gia chỉ đạt 0,9 nghìn đồng/kg. Thu nhập hỗn hợp so với tổng chi phí sản xuất của hộ tham gia THT là 28,7%, trong khi hộ không tham gia chỉ đạt 22,6%. Ngoài ra, hộ tham gia THT tiếp nhận, chia sẽ thông tin kỹ thuật và thị trường tốt hơn so với hộ không tham gia. Tuy nhiên, các hoạt động liên kết còn lỏng lẻo. Các hộ chưa tham gia đồng bộ các hoạt động liên kết. Nhãn hiệu lợn sạch của THT chưa có tiêu chuẩn cụ thể. Chi phí thức ăn còn chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi phí. Vì vậy, hiệu quả kinh tế của hộ tham gia THT chưa cao hơn nhiều so với hộ không tham gia. Năng lực quản lý của những người đứng đầu THT còn hạn chế. Quy mô chăn nuôi, trình độ học vấn và giới tính chủ hộ là các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của hộ đối với tham gia liên kết.Vì vậy, để thúc đẩy liên kết và tăng thu nhập, hộ tham gia THT cần tham gia đồng bộ các hoạt động liên kết, bố trí hợp lý cơ cấu đàn giữa các hộ tham gia THT, áp dụng quy trình VietGAP trong chăn nuôi và liên kết phối trộn thức ăn. Ngoài ra, chính quyền địa phương cần hỗ trợ thúc đẩy các hoạt động của THT và cần tăng cường tuyên truyền thực hiện tốt quy hoạch để giảm manh mún trong chăn nuôi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đỗ Quang Giám và Trần Quang Trung (2013). Tác động của các mô hình kết nối nông dân với thị trường đến thu nhập của hộ chăn nuôi lợn thịt ở khu vực miền núi Đông Băc. Tạp chí Phát triển kinh tế, 273: 51 - 63.

Nguyen Thi Duong Nga, Nguyen Thi Thu Ha và Phung Hai Giang (2011). Enhancing coordination in chicken production in Yen The district, Bac Giang province, Vietnam Journal of ISSAS, 17(2): 104 - 116.

Phòng thống kê huyện Tân Yên (2016). Báo cáo thống kê ngành chăn nuôi.

Trần Quốc Nhân, Hứa Thị Huỳnh và Đỗ Văn Hoàng (2011). Vai trò của tổ hợp tác trong việc nâng cao nguồn lực sinh kế cho nông hộ: Nghiên cứu trường hợp tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.